

Số: 73/2023/QĐST-HNGĐ

Di Linh, ngày 31 tháng 8 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Bá Cường Huy - Thẩm phán.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh.
- Đại diện VKSND huyện Di Linh tham gia phiên họp: Ông K' Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980. Địa chỉ: Số 209 thôn, tỉnh Lâm Đồng. Bà H và ông V có mặt tại phiên họp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND xã HB.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trọng TH; Chủ tịch UBND xã.
Có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu trình bày: Ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980 tự nguyện kết hôn vào ngày 23/5/1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB. Được đăng ký quyền số 06, số 19; Khi đăng ký kết hôn, do thời điểm đó bà Đào Thị H chưa đủ tuổi nên đã khai báo gian dối với Ủy ban nhân dân xã về họ tên đệm và ngày tháng năm sinh là Đào Thị Thu H; sinh ngày

13/02/1979 và ông Trần Văn V với ngày tháng năm sinh là 10/09/1976 để được đăng ký kết hôn. Từ khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc cho đến nay. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày có khó khăn trong việc không thống nhất về tên gọi và ngày tháng năm sinh của các giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết cả hai vợ chồng cùng có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân này. Tài liệu chứng cứ là Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; giấy khai sinh của 04 người con; Công văn xác nhận về thông tin trong căn cước công dân.

Đại diện UBND xã HB có văn bản trình bày: Việc đăng ký kết hôn, UBND xã đã thực hiện đúng thủ tục, đúng thẩm quyền. Các thông tin sai lệch về họ tên và ngày tháng năm sinh trên giấy chứng nhận kết hôn là do đương sự khai không trung thực. Nay ông Trần Văn V và bà Đào Thị H yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân, UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện UBND xã còn có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên họp.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thu thập được: Lời khai của các đương sự; biên bản xác minh việc đăng ký kết hôn tại UBND xã HB ngày 04/7/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980, tại thời điểm bà H đủ điều kiện kết hôn là ngày 20/9/1998. Ngoài ra còn đề nghị về lệ phí tòa án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980 hiện cư trú tại số 209 thôn 11, xã HB, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện Di Linh, tỉnh Lâm

Đồng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Di Linh công nhận quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Di Linh thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã HB có yêu cầu bằng văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên họp; căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng quy định.

[3] Về nội dung yêu cầu: Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh và Công văn xác nhận thông tin trong Căn cước công dân của Công an tỉnh Lâm Đồng thì Ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980, tuy nhiên ngày 25/5/1997, ông bà đăng ký kết hôn, khi đó bà H vẫn còn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Vì chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên bà H thừa nhận đã tự khai tăng tuổi và khai không đúng về họ tên, chữ đệm của bà H từ Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980 thành Đào Thị Thu H; sinh ngày 13/02/1979. Ông Trần Văn V thì đã đủ tuổi nhưng khai ngày tháng năm sinh không chính xác từ 01/01/1976 thành 10/9/1076. Việc khai sai về tên đệm và ngày tháng năm sinh của bà H ông V chỉ nhằm mục đích được đăng ký kết hôn, không vì mục đích nào khác. Một phần do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ UBND xã đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho bà H và ông V thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 06, số 19 ngày 23/5/1997 ghi họ tên vợ là Đào Thị Thu H; sinh ngày 13/02/1979 và họ tên chồng là Trần Văn V; sinh ngày 10/9/1976. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên sau khi kết hôn thì ông V và bà H vẫn chung sống hạnh phúc cho đến nay và sinh được 04 con chung, tại phiên họp ông bà đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân. Xét thấy, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần thiết hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980, kể từ thời điểm bà Đào Thị H đủ điều kiện kết hôn là ngày 20/9/1998.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Văn V và bà Đào Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của Ông Trần Văn V và bà Đào Thị H.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa Ông Trần Văn V; sinh ngày 01/01/1976 và bà Đào Thị H; sinh ngày 20/9/1980 kể từ ngày 20/9/1998 (ngày bà Đào Thị H đủ tuổi kết hôn).

3. Về lệ phí: Ông Trần Văn V và bà Đào Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp theo biên lai số 0014101 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Ông Trần Văn V và bà Đào Thị H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Ông Trần Văn V và bà Đào Thị H và đại diện UBND xã HB có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD;
- VKSND huyện;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục Thi hành án;
- UBND xã Hà Bắc;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Bá Cường Huy